

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NGÃ BÃY
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 53/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

N, ngày 23 tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2020/TLST/HNGĐ ngày 18/3/2020 giữa:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị A, sinh năm: 1992.

Trú tại: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1990.

Trú tại: Ấp E, xã F, TP. N, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị A, sinh năm: 1992.

Trú tại: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1990.

Trú tại: Ấp E, xã F, TP. N, tỉnh Hậu Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị A và anh Huỳnh Văn Đ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Minh G (giới tính: Nam), sinh ngày 05/11/2010 và Huỳnh Tường V (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/8/2014. Chị A và anh Đ thỏa thuận giao hai con chung cho chị A nuôi dưỡng. Ngoài ra, cháu G có nguyện vọng sống với mẹ nên chị A được quyền nuôi dưỡng cháu G và cháu V cho đến khi trưởng thành.

Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Huỳnh Văn Đ không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện nộp số tiền là 150.000đ (Một trăm năm chục nghìn đồng). Nguyên đơn được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0000209 ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Do đó, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TP. N;
- THA DS TP. N;
- UBND xã C;
- UBND xã F;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Kim Cương